

XBP

VV

380

LỊCH SỬ  
ĐẢNG BỘ  
HUYỆN  
TÂN PHÚ



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI  
NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

# BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH HUYỆN TÂN PHÚ



**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ  
HUYỆN TÂN PHÚ**

Chỉ đạo nội dung:

**BAN CHẤP HÀNH HUYỆN ĐẢNG BỘ  
TÂN PHÚ (TỈNH ĐỒNG NAI)**

TRẦN QUANG TOẠI (Chủ biên)  
HỒ SƠN ĐÀI – TRẦN TOẢN – NGUYỄN QUANG HỮU

**LỊCH SỬ**  
**ĐẢNG BỘ**  
**HUYỆN TÂN PHÚ**

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

**HÀ NỘI – 1991**

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cùng với việc xuất bản các công trình nghiên cứu, biên soạn, dịch thuật của các cán bộ chuyên ngành ở Trung ương, Nhà xuất bản khoa học xã hội, trong nhiều năm qua còn xuất bản một số đầu sách gắn với các địa phương. Tác giả của những công trình đó có khi là người sở tại, có khi là sự tham gia chung của các nhà nghiên cứu, biên soạn Trung ương và địa phương.

Những cuốn sách như *Khảo sát văn hóa Liễu Đôi* (Hà Nam Ninh) *Khảo sát văn hóa truyền thống Đông Sơn* (Thanh Hóa), *Nam Đàn, quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh* (Nghệ Tĩnh) *Văn học dân gian Thái Bình*, *Địa Chí Long An*, *Địa Chí Bến Tre...* lần lượt ra mắt bạn đọc, đánh dấu kết quả tốt đẹp của sự hợp tác liên kết trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và xuất bản.

Cuốn *Lịch sử Đảng bộ huyện Tân Phú* (Đồng Nai) lần này cũng được xây dựng trên phương hướng đã được khẳng định của Nhà Xuất bản.

Xin trân trọng giới thiệu cùng đông đảo bạn đọc.

## LỜI GIỚI THIỆU

*Tân Phú – một huyện thuộc tỉnh Đồng Nai, là cầu nối giữa vùng Nam Tây nguyên và miền Đông Nam Bộ.*

*Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, nơi đây là căn cứ địa của cách mạng, là một bộ phận của chiến khu Đ kiên cường và anh dũng.*

*Với những khu rừng bạt ngàn, trong suốt 30 năm chiến tranh khốc liệt, rừng núi Tân Phú đã trở thành “mái nhà” của kháng chiến “Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù” (Tố Hữu).*

*Nhân dân Tân Phú, đặc biệt đồng bào các dân tộc Châu Ro, Stiêng, Châu Mạ từ ngày có Đảng gieo mầm cách mạng đã một lòng một dạ đi theo Đảng đến cùng. Họ đã từng cất máu ăn thề: “Không ăn cơm hai nôi, không ở hai lòng, mãi mãi là con cháu cụ Hồ”. Ngay từ năm 1941 đồng bào dân tộc ở đây đã tận tình giúp đỡ các chiến sĩ cộng sản vượt ngục Tà Lài trở về Sài Gòn khôi phục phong trào cách mạng lãnh đạo nhân dân nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền trong cách mạng tháng 8-1945.*

*Cùng với đồng bào các dân tộc thiểu số, công nhân cao su ở Tân Phú cũng là một lực lượng chí cốt của cách mạng. Trong hai cuộc kháng chiến, các đồn điền Túc Trung, Cây Gáo, là một trong những “chiếc nôi” của phong trào cách mạng ở địa phương.*

*Cũng như nhiều nơi khác ở miền Đông Nam Bộ, mảnh đất Tân Phú đã từng in đậm những chiến công. Chiến thắng La Ngà trên lộ 20 (03-1948) đã đi vào lịch sử kháng chiến như một bản hùng ca bất diệt.*

*Và trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù xâm lược biết bao người con thân yêu của Tân Phú đã anh dũng nằm xuống, lớp trước ngã lớp sau tiếp bước quyết kháng chiến đến cùng. Tiêu biểu là người anh hùng liệt sĩ Điểu Cải mà tên tuổi của anh gắn liền với nhiều chiến công trong những năm tháng đánh Mỹ đầy gian khổ hy sinh.*

*Truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường và anh dũng của Đảng bộ và nhân dân Tân Phú là một tài sản vô cùng quý giá được hun đúc nên bằng xương máu, mồ hôi, nước mắt của hàng ngàn hàng vạn đồng chí đã từng sống và chiến đấu trên mảnh đất này.*

*Ghi lại quá trình đấu tranh cách mạng vẻ vang, rút ra những bài học kinh nghiệm trong kháng chiến là việc làm vô cùng cần thiết để bồi dưỡng giáo dục truyền thống yêu nước, tinh thần ý chí cách mạng cho cán bộ đảng viên và nhân dân hiện nay cũng như thế hệ mai sau.*

*Thực hiện chỉ đạo của Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai về việc viết lịch sử địa phương, với sự giúp đỡ của bộ phận nghiên cứu lịch sử Đảng thuộc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai, Phòng lịch sử quân sự Quân khu 7 và hàng trăm cán bộ đảng viên, chiến sĩ, đồng bào trong cũng như ngoài huyện cung cấp tư liệu, Ban chấp hành huyện ủy Tân Phú đã tập trung chỉ đạo tiến hành sưu tầm và biên soạn tập sách “Lịch sử Đảng bộ huyện Tân Phú”, bước đầu đã hoàn thành.*

*Để đáp ứng nguyện vọng của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân trong toàn huyện, thiết thực chào mừng Đại hội lần thứ bảy của Huyện đảng bộ, Ban chấp hành huyện ủy quyết định cho xuất bản tập sách “Lịch sử Đảng bộ huyện Tân Phú”.*

*Việc sưu tầm và biên soạn lịch sử địa phương là một công tác khoa học có nhiều khó khăn và phức tạp nhất là vấn đề sưu tầm và xử lý tư liệu. Mặt khác năng lực và trình độ của cán bộ nghiên cứu cũng còn có những hạn chế nhất định. Do đó quyển sách chắc chắn sẽ còn nhiều thiếu sót, hạn chế... Chúng tôi mong được sự góp ý cụ thể của đồng chí, đồng bào và đông đảo bạn đọc để hoàn chỉnh, bổ sung, sửa chữa cho in lần sau.*

*Nhân dịp này thay mặt ban chấp hành huyện ủy Tân Phú, chúng tôi xin chân thành cảm ơn các đơn vị, cơ quan, các đồng chí, đồng bào đã giúp đỡ chúng tôi trong quá trình sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn và xuất bản quyển sách quý này.*

*Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.*

*Tân Phú, ngày 19 tháng 05 năm 1991.*

# TM/ BAN CHẤP HÀNH HUYỆN ỦY TÂN PHÚ

*Bí thư*

**VŨ HỮU TINH**

**TÂN PHÚ**

## **ĐẤT NƯỚC CON NGƯỜI**

Từ ngã ba Dầu Giây theo quốc lộ 20 đi Lâm Đồng, đến cây số 86 ta bước vào địa phận huyện Tân Phú. Đó là một huyện có địa hình bán cao nguyên, cách thành phố Biên Hòa 85 km, cách thành phố Hồ Chí Minh 115 km về phía đông. Tân Phú nằm trải dài hai bên quốc lộ 20, diện tích 202.511 ha (202,511 km). Phía bắc, Tân Phú giáp huyện Đa Oai tỉnh Lâm Đồng phía nam giáp xã Gia Tân huyện Thống Nhất; phía đông đông bắc giáp huyện Xuân Lộc (tỉnh Đồng Nai) và huyện Đức Linh (tỉnh Thuận Hải); phía tây tây bắc giáp thị xã Vĩnh An (tỉnh Đồng Nai) và huyện Đồng Phú (tỉnh Sông Bé).

So với các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Đồng Nai. Tân Phú là một huyện trẻ. Địa lý hành chính của huyện có nhiều thay đổi theo biến thiên của lịch sử. Sau khi thực dân Pháp đánh chiếm Biên Hòa (tháng 12-1861), chúng tổ chức lại bộ máy hành chính để phục vụ cho công cuộc khai thác tài nguyên thiên nhiên ở thuộc địa. Đến năm 1878, địa bàn huyện Tân Phú ngày nay là tổng Bình Tuy thuộc huyện Xuân Lộc tỉnh Biên Hòa<sup>(1)</sup>.

Ngày 1-11-1899, Pháp cắt phía Bắc huyện Tân Phú (nay là địa bàn 3 xã Phú Bình, Phú Lâm, Phú Thanh) nhập cùng phía nam tỉnh tỉnh Lâm Đồng thành lập sở Tham biện Đồng Nai Thượng; đến năm 1920 đổi thành tỉnh Đồng Nai Thượng. Phần đất còn lại ở phía nam huyện Tân Phú thuộc về huyện Xuân Lộc.

---

<sup>1</sup> Xuân Lộc gồm bốn tổng: An Viễn, Phước Thành, Bình Tuy, tập Phước. Tổng Bình Tuy gồm 7 làng: cao Cang (Sarai), Định Quán (Boxu), Gia Canh (Bành Sát), Lý Lịch, Thuận Tùng (Bu Đốp), Túc Trung (Brao), Vĩnh An (Chiral) (Theo Lương Văn Lưu – Biên Hòa sử lược).



Năm 1957, để chia cắt địa bàn, đánh phá vào các căn cứ kháng chiến, chính quyền Ngô Đình Diệm tổ chức thêm quân Định Quán.<sup>(2)</sup> Đến năm 1967, để đối phó với sự phát triển của phong trào cách mạng, ngăn chặn đánh phá các cửa khẩu hậu cần phía nam chiến khu Đ và trên tuyến quốc lộ 20, địch thành lập thêm quận Kiệm Tân và chi khu Kiệm Tân (bao gồm cả xã Phú Túc ngày nay).

Đối với cách mạng, trong kháng chiến chống Pháp và thời kỳ đầu chống Mỹ, Tân Phú là một địa bàn thuộc huyện Xuân Lộc<sup>(3)</sup>. Năm 1964, để mở rộng hành lang, căn cứ, tạo địa bàn đứng chân hoạt động cho lực lượng tỉnh và đoàn hậu cần Miền 84 (năm 1966 trở thành đoàn 814), Ban cán sự tỉnh Long Khánh thành lập các H – tiền thân của huyện Định Quán sau này<sup>(4)</sup>.

Sau hiệp định PaRis (27 – 1 – 1973), tháng 10-1973, Trung ương Cục miền Nam thành lập tỉnh căn cứ Tân Phú mở ra một địa bàn chiến lược nối liền với chiến khu Đ (khu A), Nam Tây Nguyên và khu 6. Tỉnh căn cứ Tân Phú bấy giờ gồm có các huyện: bắc Tân Uyên (chiến khu Đ), huyện Phú Giáo và huyện Độc Lập (gồm 3 xã của huyện Bù Đăng phía Nam lộ 14). Đến tháng 11 - 1974 chuẩn bị cho chiến dịch mùa khô 1974 – 1975, tạo bàn đạp cho các binh đoàn chủ lực tiến công phá vỡ các tuyến phòng thủ của địch ở phía đông Sài Gòn, Trung ương Cục điều chỉnh lại địa bàn tỉnh Tân Phú, chỉ còn lại hai huyện là Định Quán và Độc Lập.

Sau khi đất nước thống nhất, tháng 1-1976 tỉnh Tân Phú trở thành huyện Tân Phú thuộc tỉnh Đồng Nai. Đến năm 1988, tỉnh giải thể Liên hiệp Xí nghiệp 600, thành lập thêm 4 xã mới. Hiện nay huyện Tân Phú gồm có 16 xã, 1 thị trấn.<sup>(5)</sup>

Tân Phú là địa bàn đồi núi chuyển tiếp giữa cao nguyên Trung Bộ và đồng bằng Nam Bộ, có độ cao trung bình từ 150 đến 200 mét so mặt biển, nằm trong khu vực gió mùa; mỗi năm chia làm hai mùa: mùa nắng từ tháng 10 đến tháng 4, mùa

---

<sup>2</sup> Quân Định Quán gồm hai tổng Bình Tuy và Tà lài với 21 làng. Đến năm 1960, quận Định Quán có 3 xã: Định Quán, Đồng Hiệp, Phương Thọ.

<sup>3</sup> Trong kháng chiến chống Pháp, năm 1951, tỉnh Thủ Biên thành lập huyện căn cứ Đồng Nai, trong đó bao gồm các xã Vĩnh An, Bù Cháp, Lý Lịch.

<sup>4</sup> Tháng 5-1971, có sự thay đổi về tổ chức chiến trường, huyện Định Quán sát nhập cùng huyện Xuân Lộc thuộc phân khu Bà Rịa.

mưa nổi tiếp từ tháng 5 đến tháng 10; nhiệt độ trung bình  $25,4^{\circ}\text{C}$  <sup>(6)</sup>; giờ nắng bình quân trong năm 2155 giờ; lượng mưa bình quân 3.148mm, gió hướng nam – tây bắc tốc độ 12 mét/giây. Tân Phú là địa bàn chuyển tiếp, nằm trong vùng hoạt động của một hệ thống núi lửa<sup>(7)</sup> đã ngưng hoạt động cách đây hàng triệu năm nên đất khá đa dạng, có thể chia làm 3 nhóm chính:

+ *Đất phù sa mới*: Được bồi tụ bởi hai con sông Đồng Nai và La Ngà (nay không còn được bồi tụ nữa do tác dụng của thiên nhiên và con người), chiếm diện tích khoảng 13% diện tích tự nhiên của huyện. Đất phân bố trên hai địa hình: dọc sông Đồng Nai, La Ngà và các suối như Phú Lập (Tà Lài), Vĩnh Phú, Bàu Sao, Phú Lâm; địa hình trũng thấp phù sa sông bị ngập nước như Nam Cát Tiên, Phú Lâm, Phú Điền, Phú Bình, Phú Hoa, đất có màu nâu xám, nâu nhạt, tối xốp, giàu đạm, phân giải hữu cơ khá mạnh. Đây là nhóm đất trẻ còn nhiều khả năng dinh dưỡng (chỉ nghèo lân) phù hợp với cây lúa nước và có nhiều khả năng tăng vụ.

+ *Đất ba dan*: Chiếm hơn 60% đất tự nhiên của huyện. Đây là loại đất do phun xuất thạch của núi lửa tạo nên vào kỷ đệ tứ, chứa nhiều thành phần có màu đỏ, chủ yếu là oxít sắt ( $\text{F}_2\text{O}$ ), oxít nhôm (ALO). Do đó sự khác nhau về tinh khoáng (đồng nguội ở thời gian khác nhau), địa hình khác nhau..., đất ba dan có màu khác nhau như nâu tím, nâu đỏ, nâu vàng. Nhóm đất ba dan phân bố ở lâm trường Tân Phú, Phú Lâm, Phú Thanh, Phú Lộc, Phú Hoa, Định Quán, Phú Ngọc, Phú Túc, Phú Cường, Phú Lập, Phú Hòa, đây là loại đất tốt thích hợp với việc phát triển và quy hoạch vùng chuyên canh các loại cây công nghiệp dài ngày, ngắn ngày như cao su, cà phê, mía, hồ tiêu, thuốc lá, đậu nành...

+ *Đất đen*: Là nhóm đất đặc biệt ở vùng nhiệt đới do ảnh hưởng của đá mẹ ba dan, đá bọt ba dan, có địa hình thấp, phân bố ở Phú Hoa, Phú Hòa, Lâm trường La Ngà rừng Nam Cát Tiên. Đây là loại đất nhiều tiềm năng dinh dưỡng, giàu mùn, rất nhiều lân, thích hợp với các loại cây họ đậu, cây lấy hạt, quả. Đất có khả năng quy

---

<sup>5</sup> Tháng 4-1988, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cắt xã Phú Lý giao về cho thị xã Vĩnh An. Huyện Tân Phú gồm các xã: Phú Lâm, Phú Thanh, Phú Bình, Phú Lộc, Phú Lý, Phú Hoa, Phú Ngọc, Phú Cường, Phú Điền, Phú Túc, Suối Nho, Phú Hòa, thị trấn Định Quán, 4 xã mới lập là: Phú An, Núi Tượng, Nam Cát Tiên, Đak-Lua.

<sup>6</sup> Nhiệt độ bình quân đo được ở Tà Lài: mùa khô (tháng 4) là  $27,3^{\circ}\text{C}$ , tháng nhiệt độ thấp (tháng 1) là  $23,9^{\circ}\text{C}$ .

<sup>7</sup> Như núi Cúi, núi Võ Dông, đồi Kiệm Tân, núi Sóc Lu, đồi Ngọc, đồi Lạc Sơn, núi Gia Nhang...

hoạch thành vùng chuyên canh cho năng suất cao các loại cây công nghiệp ngắn ngày như đậu nành, hồ tiêu, thuốc lá...

Tân Phú có diện tích rừng khá lớn (115.038 hecta), nhưng do hậu quả chiến tranh và sự khai thác thiếu quy hoạch (từ sau năm 1975), hiện nay diện tích rừng còn lại 112.736 hecta.<sup>(8)</sup> chạy dọc theo sông Đồng Nai, sông La Ngà giáp đến huyện Đa Oai (tỉnh Lâm Đồng) ra Đồng Phú (tỉnh Sông Bé). Đất rừng chủ yếu là phêralit nâu đỏ, vàng xám phát triển trên đá ba dan, đất phù sa cổ.

Rừng Nam Cát Tiên nằm ở phía bắc huyện Tân Phú giáp cao nguyên tỉnh Lâm Đồng ở phía thượng nguồn các suối lớn như Samách, Satapok. Dagnh (đổ ra sông Đồng Nai). Đây là một khu rừng nguyên sinh nhiệt đới thường ẩm, có tác dụng rất lớn trong việc bảo vệ môi trường sinh thái. Tháng 7-1978, Hội đồng Bộ trưởng đã ra quyết định công nhận Nam Cát Tiên là khu rừng cấm quốc gia. Như vậy Nam Cát Tiên là một trong 17 khu rừng cấm trong hệ sinh thái rừng của cả nước.<sup>(9)</sup>

Rừng Nam Cát Tiên là một tài sản vô giá của quốc gia. Theo số liệu điều tra năm 1977 của Bộ Lâm nghiệp, rừng Nam Cát Tiên có 186 loại thực vật gỗ và cây thuốc. Gỗ quý có gỗ đỏ, gỗ mật, cẩm lai, trắc, cẩm xe... trong rừng còn có khu bằng lũng thuần chủng rộng hàng trăm hecta với hai loại bằng lũng trắng, bằng lũng cườm, có cây to từ 5 đến 10 người ôm không khép góc. Về động vật, rừng Nam Cát Tiên rất phong phú với 29 bộ, 78 họ, 204 loài khác nhau. Những loài thú lớn quý hiếm có voi, hổ, báo, gấu, bò rừng, tê ngừ, heo rừng, nai, nhiều loại chim quý như công, trĩ bạc và hàng chục loài bò sát khác.

Rừng Nam Cát Tiên nằm trên nhiều dạng địa hình (bậc thềm sông, đồi thấp, ngập lầy...) do đó tạo nên nhiều cảnh quan đặc sắc như thác Trời, rừng bằng lũng thuần chủng, những bầu Sâu, bầu Thái Dương, sân Chim...

Tân Phú còn có đá chồng ở Định Quán có tuổi từ 110 đến 134 triệu năm nằm dọc hai bên quốc lộ 20. Đá chồng Tân Phú có quy mô tạo dáng hơn hẳn so với núi

---

<sup>8</sup> Trong đó rừng giàu khoảng 12.500 hecta, rừng hỗn giao khoảng 28.189 hecta, rừng lô ô thuần loài thân to từ 7 đến 10 cm là 16.374 hecta.

<sup>9</sup> Nam Cát Tiên hiện nay là một trong 287 khu bảo tồn sinh quyển trên thế giới. Theo số liệu điều tra của Bộ lâm nghiệp, diện tích rừng Nam Cát Tiên 38.600 hecta, diện tích cần bảo vệ 36.000 hecta.

Tô Thị, hòn Trống Mái, hòn Vọng Phu...

Trên địa bàn huyện có hai con sông lớn chảy qua. Sông Đồng Nai bắt nguồn từ cao nguyên Lâm Viên (Di Linh tỉnh Lâm Đồng), đoạn chảy qua Tân Phú dài 58 km, lưu lượng bình quân 484 mét khối/giây. Sông La Ngà bắt nguồn từ núi Chứa Chan (huyện Xuân Lộc) đổ vào sông Đồng Nai; đoạn chảy qua huyện dài 65 km, lưu lượng bình quân 144 mét khối/giây. Ngoài ra huyện còn nhiều suối lớn, nhỏ như suối Sơn, suối Rạc, Tam Bung, Samách, Đa Tôn... Những sông suối này tạo nên nguồn nước lớn phục vụ cho đời sống và tưới tiêu trong nông nghiệp, trong đó suối Đa Tôn đã được cải tạo thành hồ chứa nước và đã đưa vào phục vụ sản xuất.<sup>(10)</sup>

Về khoáng sản, Tân Phú có đất sét ở các xã Phú Túc, Phú Cường, Phú Lập, Phú Điền trữ lượng khá lớn, có đủ khả năng xây dựng nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng.<sup>(11)</sup> Tân Phú còn có đá vôi kết tủa ở xã Phú Lâm (cây số 136) cách quốc lộ 20 khoảng 6 km về hướng đông bắc, trữ lượng 500 ngàn tấn, hàm lượng vôi khá cao (chiếm 49%), có thể khai thác làm vôi bón trong nông nghiệp và sản xuất xi măng trong công nghiệp. Than bùn ở xã Phú Bình với trữ lượng 500 ngàn tấn đang được khai thác làm chất đốt.

Qua công tác khảo cổ ở một số khu vực thuộc huyện Tân Phú (ấp Thanh Bình, Bến Nôm xã Phú Cường, chùa Quang Hiến xã Phú Ngọc), các nhà khảo cổ và nhân dân địa phương đã phát hiện vật bằng đá, gồm như lưỡi cuốc đá, những lưỡi rìu đá, bàn mài đá, những mảnh gốm cổ, vòng đeo tay...<sup>(12)</sup> Những hiện vật này mang đầy đủ đặc điểm những di vật thuộc văn hóa tiền sử Đồng Nai. Điều này chứng tỏ rằng cách đây từ 4.000 năm đến 2.000 năm, Tân Phú đã là địa bàn cư trú hoạt động của người xưa, chủ nhân đã sáng tạo nên nền văn hoá cổ Đồng Nai. Điểm cần ghi nhận là những

---

<sup>10</sup> Hồ Đa Tôn có sức chứa 18 triệu mét khối, có khả năng tưới tiêu cho 1.500 hecta đất.

<sup>11</sup> Đất sét Phú Túc phân bố trên 400 hecta với độ dài 2 km khá ổn định. Thành phần chủ yếu đất sét trắng xám có lẫn những vệt sét đỏ pha lẫn ít cát mịn, trữ lượng 13.500.000 mét khối.

<sup>12</sup> Khu vực ấp I Cây Gáo II tìm thấy một lưỡi cuốc đá, 4 rìu đá có vai dài.

- Khu vực ấp Thanh Bình, Bến Nôm xã Phú Cường tìm thấy 3 lưỡi rìu đá.

- Khu vực đồi III (ranh 2 ấp Thanh Giang I và Thanh Bình) tìm thấy một số mảnh gốm cổ và bàn mài đá.

- Khu vực chùa Quang Hiến (xã Phú Ngọc) tìm thấy 2 lưỡi rìu tứ giác và vài mảnh gốm, 2 phác vật làm bằng đá tím màu đen (trong đó có một chiếc còn nguyên). Vòng còn nguyên có đường kính trung bình 10 cm, đường kính lỗ vòng

di chỉ thuộc thời tiền sử tìm thấy tại Tân Phú không có quy mô lớn như ở Xuân Lộc hoặc ở hạ nguồn sông Đồng Nai. Những di chỉ này thuộc dạng cư trú ngắn hạn với tầng văn hóa tích tụ ít. Phải chăng đặc điểm này có liên quan đến môi trường sinh thái cổ: Thời tiền sử, Tân Phú chưa hội đủ điều kiện cần thiết cho cuộc sống dài ngày của con người.

Tại Đồng Bơ (Phú Lý), một kiến trúc bằng gạch mỗi chiều hơn 4 mét đã được phát hiện (gạch xây cỡ 32 cm x 7,5 cm x 16 cm). Vách hố của kiến trúc được xây bằng 6 lớp gạch, độ sâu 0,8 mét, gần trung tâm hố được lát bằng đá thạch anh. Khi đào kiến trúc này, người ta tìm thấy một cánh tay cầm con ốc được tạo bằng đá, một cổ bình bằng gốm, một trụ đá mài nhẵn và hai tấm đá.<sup>(13)</sup>

Đồng Bơ là di tích kiến trúc đầu tiên tìm thấy ở Đồng Nai, có khả năng nằm trong hệ thống các di tích kiến trúc gạch được xây dựng vào nửa năm sau thiên niên kỷ I sau Công nguyên, có quan hệ đến nền văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ và văn hóa Champa ở Trung Bộ.

Vào tháng 5-1987, những nhà khảo cổ lại phát hiện gần trụ sở Ủy ban nhân dân xã Phú Lý cách 7 km hướng tây bắc di tích “Miếu Con Chồn”, một kiến trúc có niên đại tương đương di tích kiến trúc gạch ở Đồng Bơ. “Miếu Con Chồn” là nơi thiêng liêng của người dân tộc Châu Ro.

Từ những phát hiện khảo cổ trên ta thấy Tân Phú là địa bàn có người sinh sống từ lâu đời và là địa bàn cư trú của người dân bản địa là Châu Ro.

Dân số huyện Tân Phú khoảng 204.554 người, mật độ dân số phân bố không đều khoảng 110 người/km<sup>2</sup>,<sup>(14)</sup> đa số sống tập trung hai bên quốc lộ 20. Trên địa bàn

---

3,9 cm có nhiều vết đục; phạm vi các vết đục có đường kính rộng 5 cm. Hai mặt phác vật được mài láng sơ sài, có hình vòng tròn, các rìa còn nhiều vết gè đẽo. Chiều dày phác vật khoảng 1,3 cm.

<sup>13</sup> Di tích Đồng Bơ cách sông Đồng Nai 9 km, 11<sup>o</sup>16 vĩ độ bắc, 107<sup>o</sup>6 kinh độ đông. Khu đất được đào cao hơn xung quanh một mét hình gần vuông. Phía bắc bên góc của gò đất là kiến trúc xây gạch.

Đầu năm 1985, một nông dân đã cất nhà trên gò này và lấy gạch lót sân phơi.

- Hai tấm đá mô phỏng tấm hình vuông 60 cm x 60 cm, một mặt mài nhẵn, một mặt còn nhiều vết đục tạo thành mặt phẳng dày khoảng 12 cm.

- Tấm đá thứ hai kích thước 1,5 m x 0,34 cm, dày 9 cm đục và mài nhẵn cả hai mặt.

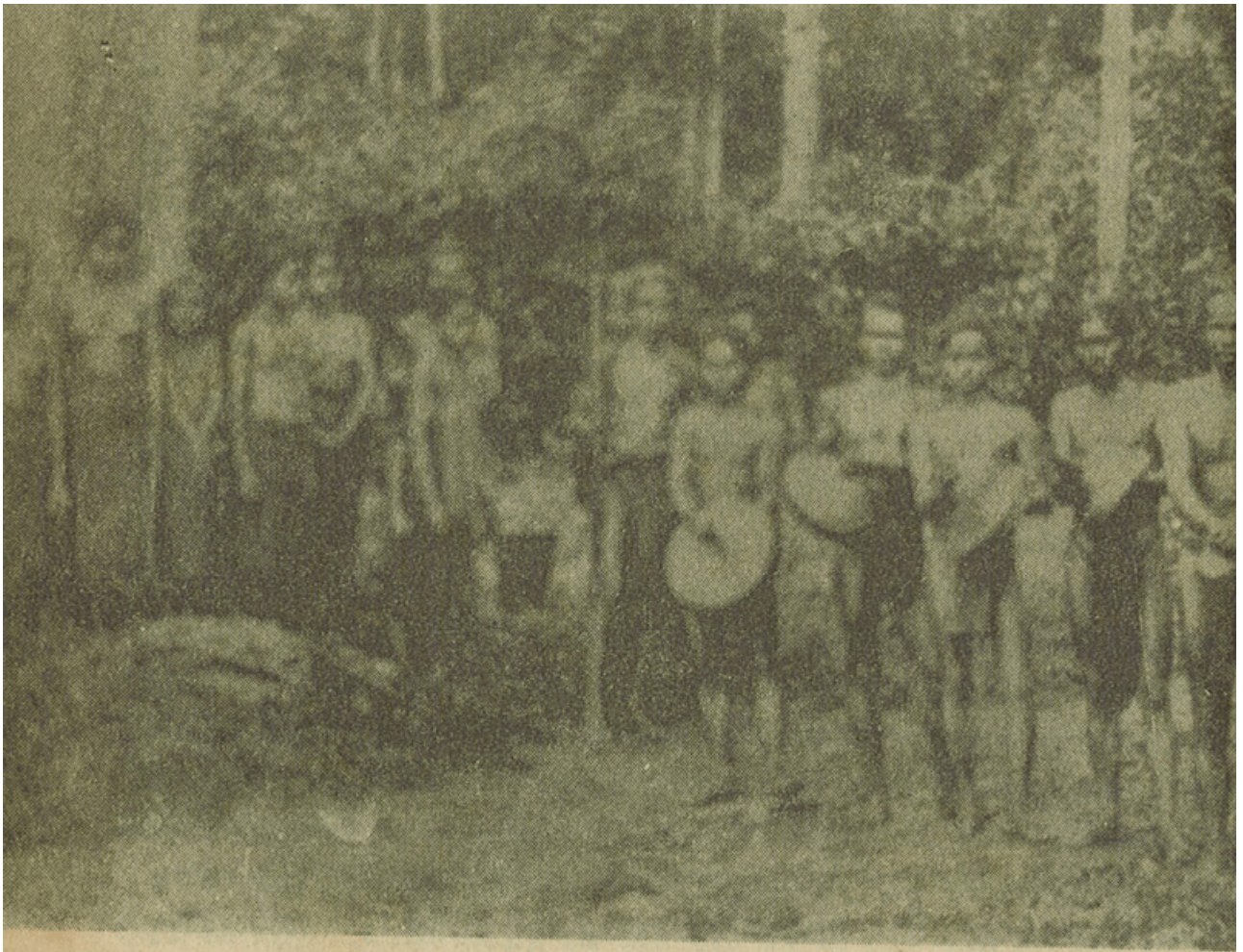
<sup>14</sup> Năm 1979, dân số Tân Phú 153.380 người, mật độ 61 người/km<sup>2</sup> Năm 1984, dân số Tân Phú 185.420 người, mật độ 71 người/km<sup>2</sup>.

huyện có 13 dân tộc sinh sống, trong đó người dân tộc kinh chiếm đa số <sup>(15)</sup> Đại hộ phận nhân dân là nông dân trồng lúa nước, canh tác các loại cây hoa màu, cây công nghiệp như mía, đậu các loại, thuốc lá, cà phê, bắp ..., ngoài ra còn một bộ phận là công nhân ở nông trường cao su Túc Trưng. Về tín ngưỡng, huyện có 3 tôn giáo lớn với hàng chục nhà nguyện, nhà thờ, chùa, tịnh xá, tịnh thất: thiên chúa giáo chiếm 51% dân số, Phật giáo chiếm 40%, và tin lành. Số dân còn lại mang tín ngưỡng truyền thống dân tộc, thờ cúng ông bà, tổ tiên, trọng vọng những người tiết nghĩa. Trước cách mạng tháng Tám 1945, trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Tân Phú còn là vùng rừng rậm, hoang vu, rừng ra giáp quốc lộ 20. Dân cư chủ yếu là dân tộc Châu Ro, Mạ, Stiêng<sup>(16)</sup> sống theo lối du canh, du cư, săn bắn, hái lượm, trồng tía, cuộc sống vất vả không ổn định. Từ đầu thế kỷ 20, nhiều đồng bào dân tộc làm thuê cho các tay chủ be từ Sài Gòn về khai thác cây rừng, hoặc làm công nhân khai thác rừng cho công ty lâm nghiệp kỹ nghệ Biên Hòa (BIF), hoặc phu làm đường cho Pháp.

---

<sup>15</sup> Người Hoa, Nùng 24.203, Choro 2630, Mạ 2475, Stiêng 352, Chăm 1, Khmer 203, Tày 9125, K'ho 13, Sa ray 18, Mường 1432, Thổ 250.

<sup>16</sup> Dân tộc Châu Ro, Mạ, Stiêng đều dùng ngữ hệ Mon Khmer nhưng không chịu ảnh hưởng của Ấn Độ. Tên tự gọi của dân tộc Châu Ro là Charau Jro, trong đó Chrau có nghĩa là người hay nhóm người, Jro là danh từ chỉ cộng đồng của họ tộc danh là Chrau. Jro còn gắn liền với tên gọi một giống lúa nếp cổ truyền mà đồng bào thích gieo trồng là n'hpal chrau-Jro (nếp cái hay nếp mẹ). Các dân tộc này mang tín ngưỡng đa thần và có văn hóa mang đặc trưng riêng. Hiện nay, được chính quyền và các đoàn thể giúp đỡ, hầu hết các dân tộc trong huyện đều đã định cư, định canh, nhiều hủ tục đã bị loại bỏ. Nhiều đồng bào dân tộc đã trở thành tín đồ Thiên Chúa Giáo, Tin Lành.



*Đông bào Châu Mạ (Tân Phú).  
(Ảnh chụp năm 1925).*

Năm 1908, thực dân Pháp thành lập công ty cao su Đồng Nai (Les Caouchoues du Donai - gọi tắt là (LCD) gồm có 3 đồn điền cao su, trong đó có Túc Trưng (trồng cao su từ 1907). Công nhân hầu hết là dân mộ (contra) từ miền Trung, miền Bắc vào. Cuộc sống của họ vô cùng vất vả, cực nhọc, bởi bị thực dân tư bản bóc lột nặng nề.

Từ năm 1954, dân số của huyện không ngừng tăng lên theo cơ học. Hàng ngàn đồng bào di cư từ miền Bắc vào được chính quyền Sài Gòn định cư theo dọc quốc lộ 20 (tập trung ở 3 xã Phú Lâm, Phú Thanh, Phú Bình). Người dân tộc Hoa Nùng từ Móng Cái, Quảng Ninh vào từ năm 1954, 1955 sống chủ yếu ở vùng Trảng Bom, Bàu Hàm (Thống Nhất). Do yêu cầu của cuộc sống, họ phát triển về hướng Định Quán, lao động cần cù, khai hoang, phá rừng để canh tác nông nghiệp, sống quần cư tại Phú Hoa, Phú Lộc.

Sau Đồng Khởi 1960, do bị địch đàn áp, khủng bố, nhiều đồng bào từ miền Tây Nam Bộ, miền Trung đã bỏ vào sinh sống ở Định Quán, có người trở thành công nhân cao su, nhưng đa số sống với nghề nông, làm rẫy bãi. Trong thành phần cấu tạo dân cư của huyện còn phải kể đến đồng bào Khmer từ Kam-pu-chia về từ năm 1970; đồng bào từ các vùng căn cứ, giải phóng ở Bà Rịa - Long Khánh bị địch xúc tát đưa về Định Quán để cách ly với cách mạng.

Từ sau ngày miền Nam hoàn toàn được giải phóng, huyện Tân Phú hình thành. Theo lời kêu gọi của Đảng và nhà nước đi xây dựng vùng kinh tế mới, đông đảo đồng bào từ miền Bắc, miền Trung, thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hòa... và các tỉnh bạn đã về đây lập nghiệp làm cho dân số của huyện tăng nhanh.

Với những thành phần cấu tạo dân cư phức tạp và rộng, Tân Phú là hình ảnh một nước Việt Nam thu nhỏ với nhiều dân tộc, nhiều tỉnh thành khắp miền đất nước về chung tay góp sức xây dựng địa phương.

Trong những năm trước 30-4-75, chính sách định cư đồng bào từ miền Bắc vào, chính sách cho tư sản, sĩ quan quân đội, viên chức ngụy quyền khai thác rừng, khẩn hoang ở Định Quán đã có tác động nhiều mặt về đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương. Tầng lớp trung nông, phú nông xuất hiện, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện phát triển mang tính chất sản xuất hàng hóa. Việc tăng dân số đột ngột nhiều đợt, nhiều nguồn làm cho công tác xây dựng cơ sở cách mạng ở huyện gặp nhiều khó khăn. Ngược lại, nhiều quân chúng tốt là cơ sở cách mạng, có cảm tình với cách mạng từ các nơi tụ về địa phương cũng bổ sung thêm lực lượng của huyện.

Tân Phú là địa bàn rừng núi, tiếp giáp với Tây nguyên, cực nam Trung bộ, gắn liền với căn cứ chiến khu Đ (khu A trong chống Mỹ), lại có đường 20 nối liền Sài Gòn - Biên Hòa lên Tây nguyên nên có vị trí chiến lược quan trọng. Trong kháng chiến chống Mỹ, lực lượng địch ngoài chủ lực ngụy, bảo an... còn có quân viễn chinh Mỹ thường xuyên càn quét hành quân tìm diệt lực lượng cách mạng. Chúng tổ chức trên địa bàn này hai quận, hai chi khu quân sự Định Quán, Kiệm Tân và một yếu khu



Túc Trung để kèm kẹp đánh phá phong trào cách mạng, giữ đường giao thông chiến lược (quốc lộ 20), đánh phá vào căn cứ chiến khu Đ, phá kho tàng, cửa khẩu hậu cần, hành lang vận chuyển chiến lược của ta từ chiến khu Đ về hướng đông nam ra biển đông.

Trước cách mạng tháng Tám 1945, thực dân tư bản Pháp không chỉ quan tâm đến việc khai thác rừng và cao su ở Tân Phú. Sau Nam Kỳ khởi nghĩa (23-11-1940), thực dân Pháp đã xây dựng khu rừng núi Tà Lài thành một nhà tù lớn (căng Tà Lài) để giam cầm những đảng viên cộng sản, người yêu nước.

Tháng 3-1941, đồng bào dân tộc Châu Ro ở Tà Lài đã giúp đỡ tạo điều kiện phương tiện giúp các đồng chí Trần Văn Giàu, Tô Ký... vượt ngục Tà Lài trở về Sài Gòn hoạt động, xây dựng cơ sở, khôi phục phong trào cách mạng chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám thành công.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, công nhân cao su Túc Trung, đồng bào dân tộc ở Võ Đông, Lý Lịch, Bù Cháp đều bắt hợp tác với giặc. Đồng bào tham gia phong trào “phá hoại để kháng chiến”, thoát ly tham gia bộ đội, du kích, về vùng căn cứ xây dựng làng xã chiến đấu, tiếp tế ủng hộ nuôi quân. Đặc biệt, trong đồng bào dân tộc Châu Ro ở Võ Đông, Lý Lịch, đồng bào Stiêng, Bù Cháp đã xây dựng được chi bộ Đảng Cộng Sản Việt Nam để lãnh đạo đồng bào kháng chiến.<sup>(17)</sup>

Nhiều đồng bào dân tộc Châu Ro, Stiêng đã trở thành chiến sĩ trinh sát dũng cảm của tiểu đoàn vận tải chiến lược 320 (của Phân liên khu miền Đông). Công nhân cao su đồn điền Túc Trung, đồng bào dân tộc ở Võ Đông, Lý Lịch... đã góp nhiều lương thực, tạo điều kiện để chi bộ 10 Biên Hòa chuyển quân bí mật từ chiến khu Đ về quốc lộ 20 làm nên chiến thắng La Ngà vang dội (ngày 1-3-1948).

“Chiến khu Đ còn, Sài Gòn mất”. Đó là nỗi ám ảnh lo sợ của ngụy quyền Sài Gòn. Chính vì thế, ngay thời kỳ đầu chống Mỹ, địch đã tổ chức nhiều chiến dịch, nhiều cuộc hành quân càn quét vào Mã Đà, vùng đồng bào dân tộc Bù Cháp, Lý Lịch

---

<sup>17</sup> Chi bộ Võ Đông thành lập năm 1947.  
Chi bộ Lý Lịch thành lập năm 1949.

để truy tìm lực lượng cách mạng, phá sản xuất của ta.

Cũng ngay thời kỳ đầu kháng chiến chống Mỹ, “Mã Đà sơn cước anh hùng tụ” đã trở thành một trung tâm căn cứ địa ở miền Đông Nam Bộ, nơi hình thành lực lượng vũ trang đầu tiên của Miền. Đồng bào dân tộc ở Bù Cháp, Lý Lịch, Tà Lài trong suốt 30 năm chiến tranh giải phóng luôn luôn bám rừng, bám cách mạng, đối no cùng cán bộ, chiến sĩ, vừa chiến đấu, vừa phục vụ chiến đấu<sup>(18)</sup>.

Chiến tranh càng ác liệt, địa bàn Tân Phú càng có vị trí quan trọng hơn. Từ năm 1965, Tân Phú là nơi đứng chân hoạt động thường xuyên liên tục của đoàn hậu cần Miền 84 (từ 1966 là đoàn 814); là hành lang vận chuyển chiến lược từ Chiến khu Đ về Bà Rịa - Long Khánh; nơi tạo nên những trận chiến thắng giao thông lớn của quân giải phóng trên quốc lộ 20.

Trong chiến dịch mùa khô 1974 – 1975, Mã Đà, Vĩnh An... là nơi đứng chân chỉ đạo của Khu ủy miền Đông Nam Bộ, nơi cung cấp hậu cần, địa bàn tập kết, chuyển quân của chủ lực từ Chiến khu Đ vượt sông Đồng Nai phát triển tiến công về phía đông Sài Gòn. Về cuối cuộc chiến tranh, Tân Phú là trận địa tiêu diệt gọn chiến đoàn 52 sư 18 nguy góp phần to lớn trong thắng lợi của Chiến dịch Xuân Lộc (từ 9-4 đến 21-4-1975). Đây cũng là huyện đầu tiên của tỉnh Đồng Nai được giải phóng hoàn toàn.

Phong trào cách mạng huyện Tân Phú do đặc điểm riêng, tuy phát triển chậm hơn so với các địa phương khác trong tỉnh nhưng đều và liên tục. Những địa danh La Ngà, ấp Cây Xăng, Thái Hòa (Phú Túc), xã 110, 116, 125, Tam Bung, Thuận Tùng, Cao Cang, Gia Canh, Tà Lài, Bù Cháp, Lý Lịch... đã đi vào lịch sử cách mạng Đồng Nai. Tân Phú là nơi sản sinh ra đội du kích dân tộc Châu Ro xã Phú Túc làm kẻ địch khiếp sợ; là quê hương của đồng chí Điều Xiển đại biểu Quốc hội nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa khóa đầu tiên của tỉnh Biên Hòa (cũ), quê hương đồng chí Điều Cải - anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

---

Chi bộ Bù Cháp thành lập năm 1951.

<sup>18</sup> Trong 30 năm kháng chiến, trong đồng bào Châu Ro có 40 đảng viên, 4 liệt sĩ. Có 3 đồng chí phân khu ủy viên, tỉnh ủy viên, 2 phó chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính huyện, 2 đại úy quân đội, 2 liệt sĩ, trong đó 1 anh hùng lực lượng vũ trang.

Trong đồng bào Stiêng có 16 đảng viên, 2 huyện ủy viên, 4 liệt sĩ, 2 dũng sĩ diệt Mỹ, 1 dũng sĩ diệt máy bay.

## Chương một

# CHÍN NĂM KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

### *Những năm đầu kháng chiến (1945- 1947).*

Cuộc sống mới bắt đầu từ cuộc cách mạng tháng Tám vĩ đại lan tỏa khắp các xóm, ấp, buôn sóc. Từ những phố chợ rải rác dọc quốc lộ 20 đến từng làng công nhân cao su, đến những sóc đồng bào Thượng ẩn trong thung sâu tắt tắt đều bừng khởi một bầu không khí mới: Độc lập và tự do. Ủy ban nhân dân cách mạng xã, ủy ban công nhân đồn điền, các tổ chức mặt trận đoàn thể vừa được thành lập hồi hả hắt tay vào xây dựng xã hội mới. Tổ chức thanh niên Tiên phong biến thành tổ chức vũ trang cách mạng. Các đội viên tự vệ chiến đấu ngày đêm ra sức luyện tập quân sự, tuần tra canh gác, giữ gìn thành quả cách mạng vừa giành được.

Những ngày cuối tháng tám, đầu tháng chín năm 1945 trôi đi nhanh chóng. Nguy cơ một cuộc chiến tranh mới đang kéo đến gần. Và, tiếng súng gây hấn mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp nổ ra ở Sài Gòn cùng với lời kêu gọi của Ủy ban kháng chiến Nam Bộ như một cơn gió mạnh thổi lan về Tân Phú.

Sau khi chiếm thị xã Biên Hòa, ngày 30-10-1945, quân Pháp kéo lên chiếm đóng ngã ba Dầu Giây và từ đây chúng tiếp tục chiếm đánh thị trấn Xuân Lộc. Tiếng súng kháng chiến của quân và dân Biên Hòa, Xuân Lộc ngày một dội về gập gáp.

Thị trấn Xuân Lộc rơi vào tay quân xâm lược. Một số cán bộ đảng, chính quyền, mặt trận huyện Xuân Lộc rút về Thọ Vực, sông La Ngà xây dựng căn cứ. Các đồng chí Ngô Ngọc Liên, Lê Văn Vận, Ngô Tiến... cùng nhiều cán bộ khác tỏa về các xã ấp tuyên truyền, xây dựng lực lượng vũ trang. Đồng chí Ba Săng, Bảy Hùng, Bảy Hà len lỏi sâu vào các sóc Lý Lịch, Bù Cháp để vận động đồng bào dân tộc Châu Ro, STiêng đứng lên kháng pháp.

Thực hiện lời kêu gọi kháng chiến của Hồ Chủ tịch và ủy ban kháng chiến Nam Bộ, nông dân, công nhân, đồng bào dân tộc thiểu số ở các làng xã Bình Hòa, Tứ Hiệp, Hưng Lộc, đồn điền cao su Túc Trung, Bù Cháp, Lý Lịch, náo nức chuẩn bị kháng chiến.

Tại xã Bình Hòa, Ủy ban nhân dân cách mạng đổi thành Ủy ban kháng chiến xã do Nguyễn Văn Thùy làm chủ tịch. Ủy ban chỉ thị cho các xóm ấp xây dựng lực lượng tự vệ chiến đấu tự trang bị vũ khí sẵn sàng đánh địch, đồng thời chuẩn bị tản cư tiêu thổ kháng chiến.

Ấp Túc Trung chỉ gồm chưa tới năm chục nóc nhà (bám dọc lộ 20, sống chủ yếu bằng nghề rẫy và buôn bán cho khách bộ hành và người làm be) nhưng không khí náo nhiệt lạ thường. Ủy ban kháng chiến ấp được thành lập do Ba Trung làm chủ tịch, Nguyễn Ngọc Kiên làm phó chủ tịch, Nguyễn Thị Xưa phụ trách phụ nữ kiêm chủ tịch mặt trận Việt Minh. Trên cơ sở tổ chức thanh niên Tiên phong, ấp đã nhanh chóng xây dựng được một tổ chức vũ trang tự vệ khoảng 1 trung đội do Ba Trung và Nguyễn Ngọc Kiên chỉ huy. Hầu hết thanh niên trong ấp và đồn điền cao su Túc Trung đều tham gia đội tự vệ như Giang Văn Đây, Lê Văn Cơ, Nguyễn Văn Kỳ, Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Văn Phương, Nguyễn Văn Cả, Tư Vợ, Ba Vạn, Ba Thái, Năm Chính, Xoong, Toản, Xoa, Hữu, Cai Ty, Cai Kinh...

Một chiều cuối năm, dưới bầu trời âm u của những cơn mưa muông, tại nhà ông Toản, đội tự vệ đã giết một trâu, một bò và một con dê để làm lễ tế cờ. Toàn đội được trang bị 2 khẩu súng trường Nhật, còn lại là tầm vông, giáo mác, cung nỏ... dưới sự chỉ huy của Ba Trung mọi người đứng nghiêm trang đưa nắm tay tuyên thệ dưới lá cờ Tổ quốc quyết tâm đi theo Đảng, theo Bác Hồ đánh đuổi giặc Pháp. Đó là một buổi lễ lịch sử được ghi khắc mãi mãi trong tâm can đồng bào Túc Trung nói chung và các chiến sĩ tự vệ nói riêng trong suốt cuộc kháng chiến gian khổ sau đó. Sau lễ tế cờ, các đội viên tự vệ lòng bắt 5 tên Việt gian có nợ máu trong vùng. Lễ hành quyết 5 tên Việt gian này được tổ chức ngay trong đêm tại trảng bằng lãng. Bà con đốt đuốc kéo đến xem rất đông. Bọn tay sai của địch lo sợ co ẩn trong đồn điền và các xóm ấp không dám ngo ngoe. Ở Võ Đông, Ủy ban kháng chiến cũng được nhanh chóng

thành lập do Điều Biên làm chủ tịch, Điều Không làm phó chủ tịch, Điều Thi Thiên phụ trách phụ nữ, Điều Hùng phụ trách thanh niên. Đồng bào dân tộc Châu Ro thành lập được một đội vũ trang gồm 30 người do Điều Xuân, Điều Trung và Điều Nhân phụ trách. Các đội viên hầu hết là trai làng khỏe mạnh, giỏi lội rừng bắn nỏ như Điều Đệ, Điều Chà, Điều Nghệ, Điều Hùng, Điều Bào... Vũ khí, chủ yếu là giáo mác và nỏ có tên tâm độc.

Ở Bù Cháp, chủ tịch Ủy ban kháng chiến là Prai, Điều Khuynh làm phó chủ tịch. K'Tiên, K'Lư, K'Nang, K'Rét, K'Liêng, K'Coong, K'Lướt, K'Loa, K'Tang... là những đội viên cốt cán trong 2 đội tự vệ mang tên Đáklắc và Kakba.

Chỉ trong một thời gian ngắn, đến đầu năm 1946 trên khắp đã bàn Tân Phú; các tổ chức chính quyền, mật trận và đoàn thể cứu quốc ấp xã đã được xây dựng. Quân chúng được chuẩn bị một bước quan trọng về quyết tâm kháng chiến. Đội ngũ tự vệ chiến đấu ra đời, mặc dù còn non yếu nhưng đã nhanh chóng trở thành một lực lượng vũ trang đáng kể. Vừa làm nhiệm vụ tuần tra canh gác giữ gìn an ninh trật tự và trấn áp bọn phản động, các đội viên vừa khẩn trương luyện tập quân sự, tự tìm và trang bị vũ khí, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc chiến đấu sắp tới.

Sau khi hoàn tất việc chiếm đóng Sài Gòn và các khu vực phụ cận quan trọng như Biên Hòa, Thủ Dầu Một... thực dân Pháp chuyển sang mở rộng chiến tranh ra toàn Nam Bộ, Campuchia và miền Trung Nam Bộ, chuẩn bị kế hoạch chiếm toàn Đông Dương. Quốc lộ 20, con đường chiến lược nối liền Sài Gòn với Đà Lạt trở thành một trong những đường tiền quân quan trọng của chúng.

Sáng ngày 24-1-1946 (tức ngày ông táo về trời Tết Bính Tuất) quân Pháp bắt đầu tiến đánh những vị trí nằm trên đường 20. Một trung đoàn xe thiết giáp vừa đi vừa hung hăng bắn pháo sang hai bên làm nhiệm vụ mở thông đường lên Đà Lạt.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban kháng chiến địa phương, nhân dân, tự vệ các xã, đồn điền hăng hái chặn đường tiến quân của giặc Pháp. Một số tự vệ của xã Bình Hòa do Nguyễn Văn Thùy chỉ huy phục kích chặn địch tại ngã ba Bình Lộc. Các đội viên tự trang bị móc, chai xăng, bùi nhùi để đánh xe thiết giáp. Nhưng trước sức tiến quân ồ ạt của địch, tổ buộc phải rút lui. Tự vệ và nhân dân ở Võ Đông tích

cực đấp mộ cản đường, hạ cây ở suối Gia Tân, lăn cây be ra đường ở cua tròn để ngăn chặn địch. Lực lượng tự vệ Túc Trung dùng ét xăng, bẫy đá, tên ná lợi dụng rừng rậm hai bên đường liên tục phục đánh quấy nhiễu địch. Từ ngã ba Dầu Giây lên đến sông La Ngà, cây rừng bị chặt đổ ngổn ngang trên mặt đường. Khí thế đánh giặc của ta rất hăng hái. Nhiều tên địch ngồi trên xe trúng tên độc bị chết. Nhưng do quá trình chênh lệch về so sánh lực lượng, trang bị vũ khí và thiếu kinh nghiệm chiến đấu, anh em tự vệ buộc phải rút vào rừng bảo toàn lực lượng. Cuộc chiến đấu ngăn chặn trung đoàn thiết giáp của địch ngày 24-1 là bản anh hùng ca nói lên tinh thần dám đánh và quyết đánh địch lớn mạnh hơn mình gấp bội của nhân dân Tân Phú trong buổi đầu kháng chiến.

Hai tuần sau cuộc hành quân mở thông đường, giặc Pháp đưa lực lượng trở lại chiếm đóng những vị trí quan yếu như ngã ba Dầu Giây, Cây Gáo, Túc Trung, cầu La Ngà. Riêng đồn Túc Trung, chúng đóng 1 tiểu đoàn lính Âu Phi có trang bị 2 khẩu pháo 105 ly làm nhiệm vụ bảo vệ đồn điền cao su và đường giao thông. Từ các đồn, quân địch tỏa ra lùng sục bắt bớ, bắn giết nhân dân quanh vùng, hỗ trợ đặc lực cho việc lập lại bộ máy cai trị ở các xã ấp. Những tên tay sai cũ nay thừa cơ góc đầu dây câu kết với địch ra sức tác oai tác quái áp bức nhân dân.

Dựa vào tiểu đoàn thiết giáp do chính con trai mình là đại úy Cô-cô chỉ huy, tên chủ đồn điền Túc Trung Sa-nhê trở lại đồn điền. Vốn thông thạo vùng Túc Trung từ trước, Cô-cô cùng với em trai của hắn là trung úy Đê-đê tập hợp công nhân và nhân dân trong vùng lại để khủng bố. Chúng cho tên Việt gian người thượng trùm bao bố đi vòng quanh nhận mặt Việt minh. Nguyễn Ngọc Kiên cùng 4 cán bộ, chiến sĩ khác bị chúng bắt trói vào xích xe tăng. Cô-cô sai lính chặt đầu 1 người, 4 người còn lại chúng chặt lá cao su đốt cháy.

Trước tình hình đó, nhân dân và lực lượng tự vệ xã vừa khôn khéo đánh địch vừa củng cố xây dựng lực lượng chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến chắc chắn sẽ diễn ra lâu dài sau đó. Ngay trong buổi chiều ngày Cô-cô trở lại đồn điền, đồng bào ấp Túc Trung đã thực hiện tiêu thổ triệt để. Anh em tự vệ chặt mù cao su đốt cháy nhà tên chủ và phó chủ sở đồn điền, nhà Lý Bổng. Bà con tự tay đốt cháy nhà

cửa, hàng quán của mình rồi rút về rừng trảng bằng lãng, Bàu Đôn, Đồn Chóp lập rẫy sinh sống. Số đông anh em tự vệ bỏ vào rừng tìm gia nhập lực lượng vũ trang. Nhiều chị em phụ nữ cũng thoát ly đi kháng chiến như Nguyễn Thị Xưa, Huỳnh Thị Lụa. Cả tầng lớp cai đội cũng bỏ đồn điền đi kháng chiến như cai Tạo, cai Ty. Số cán bộ, chiến sĩ tự vệ ở lại cùng cô bác bám trụ xây dựng cơ sở, vừa theo dõi nắm địch, vừa làm chỗ dựa cho lực lượng của trên về hoạt động. Thế giặc đang mạnh. Sự lãnh đạo từ trên xuống áp nhiều khó khăn do huyện ủy, Ủy ban kháng chiến huyện Xuân Lộc đang trong giai đoạn xây dựng củng cố. Cán bộ chiến sĩ nòng cốt phần hy sinh, phần thoát ly, tản mát khắp nơi. Anh em tự vệ buộc phải rút vào rừng bảo giữ lực lượng. Phong trào cách mạng ở các xã đứng trước khó khăn cần những nỗ lực lớn cả về chủ quan và khách quan để vượt qua.

Hiệp định sơ bộ 6-3 có ảnh hưởng quan trọng đến tình hình chung trên chiến trường Nam Bộ. Tranh thủ thời cơ hoà hoãn ta củng cố lại lực lượng, đẩy mạnh cuộc kháng chiến đi lên trên tất cả mọi mặt. Các đồng chí Lê Văn Huân, Lê Ngọc Liệu, Ngô Tiên, Tôn Quang Hảo, Nguyễn Văn Tạo về Rừng Lá xây dựng lại tổ chức đảng, chính quyền mặt trận, công an Tỉnh ủy cử các đồng chí Lê Thái, Tư Lai, Lê Văn Vận về bổ sung cho huyện Xuân Lộc. Các đồng chí cán bộ huyện tảo về xã ấp, đồn điền xây dựng lực lượng, xây dựng cơ sở trực tiếp chỉ đạo phong trào địa phương. Quận quân sự 9 được thành lập phối hợp với chính quyền địa phương lo việc kháng chiến như giúp đỡ phát triển dân quân du kích thu thuế, quyên góp, tiếp tế nuôi quân. Giữa năm 1946, chi đội 10 thành lập đã đánh dấu một bước phát triển quan trọng về chất của lực lượng Vệ quốc đoàn Biên Hòa. Trung đội 4 và trung đội 6 thuộc đại đội Bản sắc<sup>(19)</sup> về đứng chân hoạt động thường xuyên trên khắp địa bàn huyện Xuân Lộc. Tất cả những sự kiện nêu trên đã góp phần tạo chuyển một tình hình mới của cuộc kháng chiến, trực tiếp góp phần thúc đẩy phong trào ở Tân Phú đi lên.

Khắp các xã Hòa Bình, Tứ Hiệp, Hưng Lộc, đồn điền, phong trào từng bước phát triển. Bộ đội, cán bộ về đứng chân hoạt động thường xuyên. Hàng loạt gia đình

được xây dựng thành cơ sở cách mạng, trở thành nơi nuôi dưỡng, che chở, làm liên lạc cho các cơ quan kháng chiến và đơn vị bộ đội.

Nổi bật nhất là phong trào vận động quyên góp tiền, tạo thuốc men ủng hộ kháng chiến. Các đồng chí cán bộ quân quân sự như Đức, Trung, Xoong, cán bộ huyện như Sáu Tạo, Nguyễn Tri Tân, Tả, Lan (tự Tư Cao), Huỳnh Thị Lục, rồi cán bộ quân lương của bộ đội Đinh Quang Ân, Phạm Văn Lục thường xuyên về Túc Trung và các xã khác liên hệ lấy lương thực, thực phẩm. Nhà các chị Nguyễn Thị Xưa, Nguyễn Thị Sáu, Nguyễn Thị Ngỏ, Hai Tới, Ba Hậu ở Túc Trung, Nguyễn Văn Ngỏ, Điều Xiển, Lịch ở Lý Lịch, K'Lu, K'Ba ở Bù Cháp, Điều Thị Thiên, Điều Hươn ở Võ Đông... trở thành điểm tập trung lương thực thực phẩm để lực lượng trên về lấy.

Tại Định Quán, ta vận động được hai người làm công trong quán cơm bà Nhung là Thắng và Sĩ làm cơ sở tiếp tế cho ta. Đây là một quán cơm lớn phục vụ khách lộ hành, người đi săn, người làm be, bọn Tây ở bót cầu La Ngà và buôn bán trao đổi muối gạo với đông bào Châu Mạ quanh vùng. Quán cơm trở thành nơi theo dõi nắm tình hình địch và điểm tiếp tế cho đơn vị bộ đội hoạt động ở khu vực Định Quán. Nhiều cán bộ chiến sĩ của ta như Chín Sang, Tư Thiệt, Hưng... thường xuyên đến đây liên hệ. Nhiều khi anh em bộ đội kéo ra quán cơm giữa buổi chiều.

Tại đồn điền cao su Túc Trung, công nhân gỡ máy móc lấy thùng đựng mũ, dao, chén nhôm gửi vào căn cứ xây dựng binh công xưởng. Các anh chị Hòa, Bôn, Lùng lấy mũ cao su gửi vào căn cứ để bộ đội đóng giày, làm xác cốt, dây nịt, chiết lấy dầu mũ cho bộ đội làm nhiên liệu thấp sáng. Chị Hiếu thư ký sở lợi dụng cơ sở của chủ Tây, hàng tháng rút trong kho ra 6 bao gạo, 50 lít nước mắm, 100 hộp sữa, 100 đôi giày cao su, 50m vải cho cơ sở của ta ở ấp chợ dùng xe bò chở vào căn cứ.

Bọn địch kiểm soát gắt gao. Nhiều gia đình cơ sở bị chúng phát hiện đánh đập bắn giết rất dã man. Trong đồn Túc Trung, địch tổ chức hẳn một ban chuyên làm nhiệm vụ theo dõi đánh phá các cơ sở ta. Ban này có Ký Tuyết và cai Nhơn đặc biệt

---

<sup>19</sup> Đại đội B do Lê Văn Ngọc làm đại đội trưởng, Đinh Quang Ân làm đại đội phó, Phạm Văn Khoa làm chính trị viên. Biên chế đại đội tương đương một tiểu đoàn ngày nay.



nguy hiểm. Chúng chỉ điếm, bắt bớ và giết người không ghê tay. Bà cai Khôi chuyển 2 kg gạo cho bộ đội bị Tuyệt phát hiện bắn chết tại chỗ. Nguyễn Văn Quý thư ký sở bị chúng chặt đầu đem về nhà quăng lên bàn thờ vì phát hiện là cơ sở cách mạng của ta. Mặc dù vậy, phong trào đóng góp tiền của cho kháng chiến vẫn không ngừng được giữ vững. Trong những năm 1946 - 1947, Túc Trung là một trong những điếm quan trọng về cung cấp hậu cần cho các cơ quan và bộ đội huyện.

Cũng từ giữa năm 1946 trở đi, hoạt động quân sự của ta trở nên sôi nổi khắp các ấp xã. Thanh niên tiếp tục bỏ vào căn cứ gia nhập lực lượng vũ trang. Hai Giỏi, Đào Như Nam, Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Văn Trợ, Đỗ Văn Thái (Phước Lai), Cai Ty, Điền Xiển, Điều Trung, Thạch Văn Khỏe... trở thành những chiến sĩ vệ quốc đoàn lập nhiều thành tích trong đại đội B thuộc chi đội 10. Nhiều lính ngụy quay súng trở về với hàng ngũ kháng chiến. Các anh Thế, Ché, Lược là lính Pạt-ti-dăng trong đồn Túc Trung đã mang 3 súng trường ra tham gia đội du kích liên thôn.

Được sự giúp đỡ của bộ đội trung đội 4, trung đội 6, các đội du kích ấp xã trưởng thành rõ rệt. Du kích Bù Cháp, Lý Lịch, Võ Đông nhiều lần độc lập tác chiến thu kết quả tốt. Tiểu đội Đaklắc Bù Cháp chặn đánh một cuộc càn của địch từ Tà Lại xuống diệt 1 tên Pháp, 1 lính ngụy thu 2 súng. Trong một trận chống càn kéo dài từ 7 giờ sáng đến 11 giờ trưa một ngày cuối năm 1946, du kích Châu Ro ở Võ Đông đã đẩy lùi được cuộc càn của 1 trung đội địch từ đồn Túc Trung kéo xuống do tên quan hai Pháp chỉ huy, diệt một tên, làm bị thương 2 tên khác.

Cuối mùa mưa năm 1946, lần đầu tiên, ta tổ chức đánh đồn Túc Trung. Một tiểu đội vũ trang của ban công tác Liên thôn do Xoong, Tùng chỉ huy bí mật bao vây xung quanh đồn. Bên trong, các anh Giỏi, Sào, Đây vốn được cài vào làm lính bảo vệ đồ điền từ trước đã vận động toàn bộ anh em Pạt-ti-dăng trong đồn như Du, Cơ, Ngọc, Phong phối hợp làm nội ứng. 11 giờ đêm, lực lượng bên ngoài nổ súng, tên xếp Tây Sa-lu chạy vào đồn kêu lính dậy chống trả bị ta bắn văng mất khẩu súng lục, thoát chết, hoảng sợ lui trốn. Toàn bộ anh em Pạt-ti-dăng trong đồn đem theo tất cả 11 khẩu súng trường theo ta về căn cứ ban công tác Liên thôn ở Bình Lộc.

Bước sang năm 1947, cuộc kháng chiến đã lan rộng ra toàn quốc. Quân Pháp

buộc phải dồn lực lượng đối phó với ta trên các chiến trường. Phong trào kháng chiến của tỉnh Biên Hòa đang trên đà phát triển thuận lợi. Tại Xuân Lộc, tháng 3-1947 hội nghị dân quân chính hợp quyết nghị tiếp tục xây dựng lực lượng, đặc biệt chú trọng trong các đồn điền cao su và đồng bào dân tộc thiểu số, bầu đồng chí Nguyễn Văn Tạo và Trương Văn Lịch làm chủ tịch và phó chủ tịch Ủy ban kháng chiến huyện. Kế đó, Huyện ủy Xuân Lộc thành lập do đồng chí Ngô Tiến làm bí thư các đồng chí Hoàng Đình Thương, Hoàng Minh Đức làm phó bí thư. Tổ chức Đảng được xây dựng có hệ thống từ huyện tới các xã và đơn vị vũ trang.

Nhiều cán bộ đảng, chính quân, cán bộ công đoàn cao su và thiểu số vận (nghiệp đoàn cao su Biên Hòa và phòng quốc dân thiểu số Khu 7 vừa được thành lập) đi về các xã vùng dọc đường 20 để xây dựng phát triển phong trào. Một số cốt cán ở địa phương được kết nạp vào hàng ngũ của đảng. Xã Bình Hòa thành lập 1 chi bộ đảng. Công tác công vận và thiểu số vận được chú trọng thực hiện một cách có hệ thống. Công nhân đồn điền Túc Trung được tổ chức chặt chẽ trong các cuộc đấu tranh chống đánh đập cúp phạt, đòi chủ sở trả lương cho công nhân trong những ngày nghỉ bệnh, ngày lễ và trong các buổi đi phá hoại vườn cây như vạt vỏ cây, đập bể chén đựng mủ.

Du kích các xã được trang bị thêm vũ khí đạn dược. Ngoài một số súng trường, lựu đạn thu được của địch, du kích Bình Hòa, Tứ Hiệp lấy bom đạn lép của địch sản xuất được lựu đạn gài. Nhiều trận đánh nhỏ lẻ chống càn quét, phục kích tiêu hao địch do du kích đảm nhiệm thu được kết quả tốt.

Tháng 10-1947, trung đội 6 và trung đội 4 phối hợp với du kích tại chỗ tổ chức đánh bót cầu La Ngà. Bót này do 1 trung đội lính ngự đóng giữ, có sĩ quan Pháp chỉ huy, làm 1 nhiệm vụ giữ cầu, cơ động bảo vệ đường giao thông và khống chế hoạt động của ta khu vực dọc quốc lộ. Đồng chí Hai Giỏi dùng thuyền của dân địa phương đưa đồng chí Sáu Ngọc và Tư Lạc theo sông La Ngà lên quan sát cầu. Hội phụ nữ Túc Trung (do Nguyễn Thị Xưa làm trưởng ban, Nguyễn Thị Ngỏ phó ban. Nguyễn Thị Sáu thư ký, Hai Tới kiểm soát, Ba Hậu liên lạc) dùng xe bò chở 2 bao gạo lên phục vụ bộ đội đánh bót. Quân ta, dưới sự chỉ huy của đồng chí Tư Lạc, bất ngờ tập

kích vào bót, diệt và bắt sống toàn bộ trung đội địch. Sau khi thu toàn bộ vũ khí và đồ dùng quân sự, ta tổ chức phá cầu. Bộc phá phá cầu bị lép. Hàng trăm dân cũng ở Bình Lộc, Võ Định, Võ Quang và đồn điền Túc Trung được huy động mang củi ra đốt cầu. Anh em lấy búa đập bể xi măng, sau đó dùng cưa cưa các thanh sắt. Cầu đúc không bị sập nhưng khuy xuống, giao thông Sài Gòn - Đà Lạt bị tắc nghẽn một thời gian.

Cuối năm 1947 ta lại tổ chức đánh bót cầu La Ngà lần thứ hai. Lần này, bọn địch trong bót chỉ có 1 tiểu đội Pạt-ti-dăng di tên Tây đen chỉ huy. Trung đội 6 bí mật tiếp cận dùng ét xăng và ném lựu đạn ném vô bót giết chết toàn bộ lính ngụy. Tên Tây đen thoát chết nhảy xuống sông trôn về Định Quán.

Thắng lợi của 2 trận đánh bót cầu La Ngà cuối năm 1947 đã ghi khắc một dấu son sáng chói trong truyền thống đánh giặc của quân và dân Tân Phú trong những năm đầu kháng chiến. Nó là những trận diễn tập quan trọng cho một trận thắng vang dội vào đầu năm tiếp sau.

## ***II Chiến thắng La Ngà (1-3-1948).***

Sau thất bại ở chiến trường Việt Bắc thu đông 1947, đầu năm 1948, thực dân Pháp buộc phải chuyển hướng chiến lược chiến tranh từ đánh nhanh giải quyết nhanh sang đánh kéo dài, quay trở lại bình định vùng đã chiếm đóng ở Nam Bộ, nhằm biến Nam Bộ thành nơi dự trữ chiến lược cho cuộc chiến tranh xâm lược của chúng ở Việt Nam và Đông Dương. Bảo vệ các đường giao thông và hoạt động giao thông trong đó có quốc lộ 20 trở thành một chính sách lớn của địch. Trước tình hình đó, Khu ủy và Bộ chỉ huy khu 7 chủ trương tiến công vào hậu phương quân địch, cắt đứt những giao thông của chúng nhằm đánh mạnh vào chiến lược xây dựng dự trữ của chúng ở Nam Bộ. Thực hiện chủ trương trên, bộ chỉ huy chi đội 10 quyết định đánh một trận giao thông lớn trên quốc lộ 20, đoạn từ La Ngà đến Định Quán.

Từ tháng 11 năm 1947, cán bộ du kích địa phương được lệnh cùng với các chiến sĩ trinh sát Xuân Lộc và chi đội 10 lên đường đi La Ngà. Đội trinh sát đã luôn rình cắt đường đến vùng ngã ba sông Đồng Nai - La Ngà. Từ đây, đội bí mật tìm vị trí quan sát hoạt động của địch trên đường 20 và các bót Định Quán, bót cầu La Ngà, đồng thời dựa vào các cơ sở trong đồn điền cao su và đồng bào dân tộc thiểu số trong

vùng gom dân để tìm hiểu quy luật hoạt động của địch.

Đầu năm 1948, quận Xuân Lộc được phân công chuẩn bị lương thực cho bộ đội. Cán bộ huyện phối hợp với cán bộ cơ sở xã Bình Hòa, Bình Lộc, đồn điền Túc Trung đi vận động bà con đóng góp gạo, thực phẩm. Nhân dân ở phân tán khắp nơi, bộ phận sống trong vùng gom dân và công nhân đồn điền bị địch kiểm soát rất gắt gao. Mang 1 lon gạo ra rẫy đều bị chúng xét hỏi, đánh đập, tù đày. Dù vậy, nhân dân các xã áp từ đồn điền cao su, vùng địch gom dân đến các buôn sóc dân tộc thiểu số nơi hẻo lánh liêu vết từng lon gạo, nhúm muối góp gửi bộ đội. Đồng bào Châu Mạ xung quanh khu vực Định Quán, đồng bào Stiêng, Châu Ro ở Võ Đông, Bù Cháp, Lý Lịch đã ăn củ, dành từng lon bắp cho cán bộ. Công nhân ở đồn điền Túc Trung mỗi lần đi làm đều mang theo gạo trong người ra dẫu ngoài lộ cho cơ sở đến lấy. Hội phụ nữ Bình Hòa mua khăn mùi xoa cho bộ đội vắt cơm, làm sả ớt, thức ăn khô để anh Tào về lấy chuẩn bị cho trận đánh.

Đến giữa tháng 2, ta đã huy động đủ số gạo cho 1.000 người ăn trong hơn nửa tháng. Ngoài ra, du kích Võ Đông cùng với bộ đội trung đội 4 còn xây dựng một kho dự trữ tại Suối Nôm có gần một tấn lúa.

Kế hoạch chuẩn bị cho trận đánh đã hoàn tất. Hạ tuần tháng 2, mật báo viên của ta từ Sài Gòn báo cáo về sẽ có một 1 đoàn xe quân sự chở số cán bộ quân sự cao cấp của địch từ Sài Gòn lên Đà Lạt dự hội nghị quân chính vào đầu tháng 3. Ngay đêm 25 rạng 26-2, toàn bộ lực lượng chi đội 10 và Liên quân 17 rời chiến khu Đ, hành quân về La Ngà. Các đơn vị vũ trang thuộc đại đội B và công an du kích Xuân Lộc cũng hành quân chiếm lĩnh trận địa.

Trận địa phục kích trải dài trên quãng La Ngà - Định Quán từ cây số 104 đến cây số 113. Đây là đoạn đường rải nhựa bằng phẳng nhưng uốn lượn quanh co khúc khuỷu, có nhiều đoạn dốc kéo dài. Hai bên đường là rừng già, có chỗ một bên là vực sâu, một bên là vách ta tuy có độ dốc cao. Quân ta bố trí thành 3 mặt trận A, B, C. Mặt trận C phục kích đoạn phía cầu La Ngà làm nhiệm vụ khóa đuôi, đánh đoạn cuối đoàn xe và chặn viện; đại đội A dưới sự chỉ huy của đại đội trưởng Nguyễn Văn Quang phụ trách mặt trận này. Mặt trận B bố trí ở quãng giữa đội hình phục kích do

liên quân 17 phụ trách dưới sự chỉ huy của đồng chí Hoàng Minh Chánh.

Lực lượng vũ trang địa phương được tham gia đánh địch ở mặt trận A. Đại đội B do đại đội trưởng Lê Văn Ngọc và đại đội phó Đinh Quang Ân chỉ huy phối hợp với dân quân du kích địa phương làm nhiệm vụ chặn đầu đoàn xe của địch và cùng toàn mặt trận dùng hỏa lực tiêu diệt chúng.

Trên quốc lộ 1 đoạn từ Hồ Nai đến ngã ba Dầu Giây trung đội 5 thuộc đại đội B cùng dân quân du kích quận Châu Thành bí mật ẩn nấp hai bên đường sẵn sàng đốn cây chặn đường, bắn tia làm giảm tốc độ hành quân của địch điều chỉnh tiến trình đi của chúng sao cho kịp đoàn xe đến trận địa phục kích vào khoảng 3 giờ chiều, là thời điểm trời nhiều sương mù, không quân Pháp không thể hoạt động và quân tiếp viện từ Sài Gòn không dám lên vì sợ trời tối.

Ngày 1-3-1948, đúng như kế hoạch dự định của ta, từ sáng sớm, đoàn xe địch gồm 70 chiếc bắt đầu khởi hành từ Sài Gòn. Đến đoạn đường từ Hồ Nai trở đi, chúng phải thường xuyên dừng lại dọn đường và bắn thị uy chống sự trả quấy phá lẻ tẻ của du kích địa phương. Du kích Võ Đông, Túc Trưng tổ chức thành từng nhóm nhỏ chốt dọc đường từ Dầu Giây lên La Ngà. Anh em lẩn cây be ra đường và phục kích bắn tia máy phát súng rồi rút vào rừng.

Đến 15 giờ 20 phút, chiếc thiết giáp dẫn đầu đoàn xe mới vào tới trận địa phục kích của ta ở mặt trận C. 12 phút sau, nó tiến đến dốc Định Quán, điểm cuối cùng của trận địa phục kích. Ba trái địa lôi và viên đạn chống tăng từ khẩu Piat của đồng chí Bùi Cát Vũ gần như nổ cùng một lúc tạo nên một cột lửa khói bao trùm mục tiêu. Chiếc thiết giáp bị đẩy hất lên nằm chắn ngang đường rồi bốc cháy. Tên chỉ huy đoàn xe cùng bộ phận thông tin chết tại chỗ. Hai chiếc xe chở lính hộ tống đi tiếp sau đâm sầm vào xác chiếc xe trước, bắt lửa cháy luôn. Quân ta dùng hỏa lực tiêu diệt đám lính sống sót và ào ào xung phong ra mặt đường.

Số xe địch đi sau lọt hẳn vào trận địa và tiếp tục tiến lên, không hay biết về bộ phận đi đầu đã bị tiêu diệt. Khắp cả hai mặt trận B và C, quân ta tập trung hỏa lực vào những xe quân sự chiến đấu quyết liệt với địch và sau đó nhanh chóng làm chủ trận địa.



*Phục kích — Trận La Ngà 1-3-1948.*

16 giờ, trận đánh kết thúc, 59 xe địch bị tiêu hủy hoàn toàn, 150 tên lính lê dương đi hộ tống, 25 sĩ quan Pháp, trong đó có đại tá Đờ-xê-ri-nhê (Deseringé) chỉ huy lữ đoàn lê dương thứ 13 và đại tá Pa-ruýt (Parust) phó tham mưu trưởng thứ nhất quân viễn chinh Pháp ở Nam Đông Dương bị thiệt mạng, trung úy Dép-fây (joefrey) bị bắt sống.

Cùng với bộ đội chi đội 10 và Liên quân 17, lực lượng vũ trang địa phương tham gia trận đánh rút về căn cứ an toàn. Toàn bộ số hành khách và tù hàng binh được bộ đội ta phục vụ cơm nước chu đáo và đưa ra lộ 20 để đưa ra lộ 20 để về Sài Gòn vào sáng hôm sau.

Cay cú phục thù, quân Pháp điên cuồng mở cuộc phản kích vào chiến khu Đ và các khu vực chúng phán đoán còn lực lượng của ta đang ẩn nấp. Sáng ngày 5-3, đồng thời với việc bao vây tiến công chiến khu Đ, rào chặn sông Đồng Nai-Sông Bé và truy